



Tư tưởng Hội Long Hoa và sự tiếp biến trong văn hóa Phật giáo Việt Nam

ISSN: 2734-9195

13:16 18/12/2025

Hội Long Hoa là một hình tượng tổng hợp của triết lý – tôn giáo – văn hóa, biểu hiện niềm tin bền vững của nhân loại vào thiện pháp và công bằng vũ trụ.

Tác giả: **Nguyễn Thị Thanh Thúy (Thích nữ Tuệ Hòa)**

Lớp HVCK K4, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế

1. Dẫn nhập

Trong lịch sử tư tưởng Phật giáo, niềm tin về sự xuất hiện của Phật Di Lặc (彌勒佛) và Hội Long Hoa (龍華會) chiếm vị trí đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là hình ảnh tôn giáo, mà còn là biểu tượng của niềm hy vọng nhân loại – thời kỳ hoan hỷ, bình đẳng và giác ngộ, khi mọi khổ đau được hóa giải. Ở Việt Nam, tư tưởng ấy được Việt hóa và dân gian hóa, kết hợp giữa triết lý Phật giáo Đại thừa với niềm tin bản địa về “thế giới cứu rỗi”, trở thành một phần của tư tưởng đạo đức và tinh thần nhân văn Việt Nam.

Sự tiếp nhận và Việt hóa tư tưởng Di Lặc cho phép nhận diện cách thức xã hội Việt Nam chuyển hóa triết lý cứu thế thành mô hình đạo đức cộng đồng và biểu tượng văn hóa thẩm mỹ.

Việc khảo sát Hội Long Hoa không chỉ góp phần hiểu rõ bản chất của Phật giáo Việt Nam mà còn giúp giải mã đời sống tinh thần và tâm thức tôn giáo của dân tộc qua nhiều thời kỳ.

2. Cơ sở kinh điển và ý nghĩa tư tưởng của Hội Long Hoa

2.1. Cơ sở kinh điển

Theo Phật Thuyết Di Lặc Hạ Sinh Thành Phật Kinh 佛說彌勒下生成佛經, Đức Phật Thích Ca đã thọ ký cho Phật Di Lặc:

大師所授記 當來佛下生,彼號為慈氏 如前後經說. 唯願人中尊 伽陀重分別, 彼神通威德 我今樂欲聞. 佛告舍利子 應至心諦聽, 當來慈氏尊 為汝廣宣說[1].

Đại sư sở thọ ký, đương lai Phật hạ sinh. Bĩ xứ vi Từ Thị, như tiền hậu Kinh thuyết. Duy nguyện nhân trung tôn, gia đà trọng phân biệt. Bĩ thần thông oai đức, Ngã kim nhạo dục văn. Phật cáo Xá Lợi Tử, ưng chí tâm đế thính. Đương lai Từ Thị tôn, vi như quảng tuyên thuyết. (Đại sư đã thọ ký rang, đức Phật đương lai hạ sinh có tên là Từ Thị, như các Kinh trước sau đã nói. Cúi xin bậc Tôn quý trong loài người, hãy vì chúng con mà chú trọng phân biệt những oai đức thần thông của Ngài, con nay mong được lắng nghe. Phật bảo Xá Lợi Tử, hãy lắng nghe cho kỹ, về bậc tôn giả Từ Thị trong đời vị lai, ta sẽ vì ông mà rộng nói).

Theo Di Lặc Hạ Sinh Kinh 彌勒下生經, đức Phật Thích Ca đã tiên tri về thời điểm và nơi chốn Di Lặc giáng sinh:

爾時□世尊告阿難言□吾今告汝□彌勒菩薩當下生人間□成無上正等正覺□其處名曰龍華樹下□開三會說法□度脫無量眾生□[2]□ Nhĩ thời, Thế Tôn cáo A Nan ngôn: “Ngô kim cáo nhữ, Di Lặc Bồ Tát đương hạ sinh nhân gian, thành vô thượng chính đẳng chính giác. Kỳ xứ danh viết Long Hoa thụ hạ, khai tam hội thuyết pháp, độ thoát vô lượng chúng sinh.” (Khi ấy, đức Thế Tôn bảo ngài A Nan rằng: “Nay ta nói cho ông biết, Bồ Tát Di Lặc sẽ giáng sinh xuống nhân gian, thành bậc Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Ngài sẽ thuyết pháp dưới cây Long Hoa, mở ba kỳ pháp hội, cứu độ vô lượng chúng sinh).”

Theo Di Lặc Thành Phật Kinh 彌勒成佛經:

彌勒菩薩下生成佛□時龍華樹花開滿世□三會說法□九十六億眾生得阿羅漢果[3]□ Di Lặc Bồ Tát hạ sinh thành Phật, thời Long Hoa thụ hoa khai mãn thế, tam hội thuyết pháp, cứu thập lục ức chúng sinh đắc A La Hán quả. (Khi Bồ Tát Di Lặc giáng sinh thành Phật, hoa cây Long Hoa nở rộ khắp thế gian; trong ba kỳ pháp hội, chín mươi sáu ức chúng sinh chứng quả A-la-hán).

Các kinh Di Lặc Hạ Sinh, Di Lặc Thành Phật và các phẩm tương quan trong Pháp Hoa mô tả Di Lặc như vị Phật tương lai sẽ thành đạo dưới cây Long Hoa và mở ba hội thuyết pháp cứu độ chúng sinh. Đây là ba kỳ pháp hội độ hết thủy thượng – trung – hạ căn, được gọi chung là Long Hoa Tam Hội. Học thuyết này gắn liền với quan niệm chu kỳ pháp vận: Chính pháp – Tượng pháp – Mạt pháp – Phục hưng pháp, trong đó Di Lặc đảm nhiệm vai trò tái lập Chính pháp khi nhân loại suy đồi.

Như vậy, Hội Long Hoa là ba kỳ pháp hội tương lai, nơi Phật Di Lặc thuyết pháp độ sinh, hoàn tất sứ mệnh của đức Thích Ca, biểu trưng cho sự nối tiếp của Phật

thành khất thực.”)

Hội Long Hoa phản ánh quan niệm chu kỳ vũ trụ Phật giáo, rằng sau thời Chính pháp và Tượng pháp, khi bước vào thời Mạt pháp, nhân loại sa đọa, thì Phật Di Lặc sẽ giáng sinh, khai sáng thời kỳ mới. Đó là niềm tin rằng Phật pháp không bao giờ diệt, như Pháp Hoa Kinh – Phẩm Thọ Lượng 法華經·壽量品 đã dạy:

"[]
[] [5]" Thường
*tại Linh Thửu sơn cập chư dư trú xứ, chúng kiến ngã diệt độ... ngôn ngã thường
tại thử, bất diệt bất biến hóa. (Thường ở núi Linh Thửu và các nơi cư trú khác,
khi chúng sinh thấy ta diệt độ, rộng bày cúng dường xá-lợi, đều sinh lòng
thương nhớ, khát ngưỡng. Khi ấy, ta cùng với đại chúng Tăng từ núi Linh Thửu
hiện ra, mà bảo rằng: ‘Ta thường ở nơi này, không diệt, không biến đổi’).*

Ý nghĩa ẩn tàng là Pháp thân của Phật thường trụ, và sự xuất hiện của Di Lặc là biểu hiện kế tục của Pháp thân ấy trong thời đại mới. Như vậy, Hội Long Hoa không chỉ là sự kiện trong tương lai mà còn là biểu tượng triết học về tính thường trụ của Pháp thân, như phẩm Thọ Lượng trong Pháp Hoa nhấn mạnh: Phật không mất, Pháp không diệt, mà chỉ chuyển hóa để phù hợp với căn cơ chúng sinh. Tư tưởng về Di Lặc mang ba tầng ý nghĩa:

- Tính cứu thế – mở ra hy vọng về một thời đại đạo đức và bình an.
- Tính nhân quả – chỉ người hành thiện mới được dự hội.
- Tính xã hội – tạo nền tảng cho mô hình đạo đức cộng đồng trong đời sống thường nhật.

Hình tượng Di Lặc với nụ cười hoan hỷ, bụng lớn, áo mở rộng tượng trưng cho tâm bao dung vô lượng và niềm vui giác ngộ. Tin vào Hội Long Hoa cũng là tin rằng chỉ những ai hành thiện, tu tâm, giữ giới mới được dự hội — đó là hệ thống đạo đức nhân quả thực hành. Như vậy, Hội Long Hoa không chỉ là “*pháp hội cứu độ*” mà là biểu tượng xã hội - đạo đức, kêu gọi con người hướng thiện trong hiện tại.

2.3. Tiếp biến tư tưởng hội Long hoa

Tư tưởng Hội Long Hoa trong tiến trình tiếp biến văn hóa thể hiện trên nhiều bình diện, từ tôn giáo, triết học đến đạo đức và mỹ học. Ở bình diện tôn giáo – siêu hình, Phật giáo quan niệm Phật Di Lặc sẽ mở ba hội Long Hoa để cứu độ thế gian, đem lại thời kỳ hòa bình và giác ngộ phổ quát.

Khi vào Việt Nam, tư tưởng ấy được dân gian hóa thành niềm tin “*trời Phật thương dân*”, nhấn mạnh sự bảo hộ của thần linh đối với con người lương thiện, khơi dậy ý thức hướng thiện để được cứu.

Ở bình diện triết học – nhân sinh, quan niệm Phật giáo về chu kỳ vũ trụ “*mạt pháp – phục hưng*” tương ứng với tư tưởng Việt “*thời loạn sinh thánh*”, phản ánh niềm tin vào khả năng phục hồi đạo lý và công bằng trong xã hội.

Về xã hội – đạo đức, giáo lý Phật giáo cho rằng người thiện được dự hội, kẻ ác bị bỏ lại; điều này được Việt hóa thành cơ chế đạo đức cộng đồng, khuyến khích lối sống nhân nghĩa, xây dựng mô hình xã hội công bằng.

Trên phương diện biểu tượng mỹ học, cây Long Hoa và hoa nở khi Phật xuất thế tượng trưng cho ánh sáng giác ngộ, còn hình tượng nụ cười Di Lặc trong văn hóa Việt trở thành biểu trưng của niềm hoan hỷ, thịnh trị và an lạc.

Như vậy, từ một tư tưởng tôn giáo mang tính “*tương lai luận*”, Hội Long Hoa đã được Việt hóa, trở thành hình tượng văn hóa – đạo đức hiện thực, nuôi dưỡng nhân tâm và góp phần kiến tạo bản sắc tinh thần của dân tộc.

3. Hội Long Hoa trong văn hóa và tín ngưỡng Việt Nam

3.1. Dòng Phật giáo truyền thống

Từ thời Lý – Trần, tư tưởng về Phật Di Lặc và Hội Long Hoa đã được tiếp nhận và biểu hiện rõ trong sinh hoạt Phật giáo chính thống của Đại Việt. Đây là giai đoạn Phật giáo phát triển cực thịnh, đóng vai trò quốc giáo, nơi mà niềm tin vào Vị lai phật 未來佛 trở thành biểu tượng cho hy vọng phục hưng đạo pháp và xây dựng xã hội an lạc.

Các pho tượng Di Lặc được tạc trong các ngôi quốc tự như chùa Phật Tích (Bắc Ninh), chùa Quỳnh Lâm (Đông Triều) hay chùa Bút Tháp (Bắc Ninh) đều mang dáng vẻ hoan hỷ, an nhiên, bụng lớn – miệng cười, biểu trưng cho tâm lượng bao dung và trí tuệ viên mãn. Tượng Di Lặc trong giai đoạn này không đơn thuần là tượng thờ, mà còn là tuyên ngôn nghệ thuật và niềm tin chính trị – xã hội: phản ánh ước vọng của triều đình và tầng đồ về một kỷ nguyên hòa bình, nơi đạo pháp và nhân đạo đồng hành.

Tư tưởng ấy tương ứng với nhận thức triết học Phật giáo Đại thừa: Di Lặc là sự tiếp nối của Thích Ca, là hiện thân của “*chân như thường trụ*”, và Hội Long Hoa là sự tái hiện của Chính pháp trong tương lai. Vì thế, việc thờ Di Lặc ở Việt Nam

từ rất sớm đã trở thành tín hiệu của một Phật giáo nhập thế, hướng đến nhân sinh và nhân quả hiện tiền, chứ không chỉ là tín ngưỡng thuần túy.

Tư tưởng Di Lặc đã xuất hiện trong các trung tâm Phật giáo lớn và trở thành biểu tượng của khát vọng thịnh trị quốc gia. Tượng Di Lặc thời Lý – Trần thể hiện phong thái hoan hỷ, khoan dung, mang bản sắc thẩm mỹ của Phật giáo Việt Nam.

Trong bối cảnh Phật giáo giữ vai trò tư tưởng chủ đạo, Di Lặc được xem như hình ảnh bảo hộ quốc gia, thể hiện kỳ vọng vào việc tái lập trật tự đạo lý và phần thịnh xã hội.

3.2. Trong tôn giáo bản địa Nam Bộ

Bước vào thế kỷ XIX, tư tưởng Hội Long Hoa được dân gian hóa và bản địa hóa mạnh mẽ trong không gian tôn giáo Nam Bộ – vùng đất mới hình thành, nơi Phật giáo hòa quyện với tín ngưỡng dân gian, Đạo Lão và Nho học. Trong bối cảnh xã hội biến động, thiên tai, chiến loạn và mất niềm tin vào chính trị trung ương, hình tượng Phật Di Lặc – vị Phật của thời tương lai được người dân tiếp nhận như biểu tượng cứu thế, đạo đức và công bằng. Các phong trào tôn giáo như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hòa Hảo và Cao Đài đều lấy Hội Long Hoa làm trọng tâm giáo lý.

Nam Bộ là không gian mang tính dung hợp văn hóa mạnh mẽ, nơi các yếu tố Phật – Nho – Lão và tín ngưỡng dân gian giao thoa. Tại đây, Hội Long Hoa được dân gian hóa trở thành học thuyết cứu thế phổ biến, xuất hiện trong các phong trào tôn giáo;

Bửu Sơn Kỳ Hương: xem Di Lặc hạ sinh mở Long Hoa hội để độ tận chúng sinh.

Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo: dùng Hội Long Hoa như quy phạm đạo đức hành thiện trong đời thường.

Đạo Cao Đài: đồng nhất Long Hoa với Tam Kỳ Phổ Độ, biểu tượng cho thời đại đại đồng, quy nguyên các tôn giáo.

Điểm nổi bật là Hội Long Hoa được Việt hóa mạnh, trở thành mô hình đạo đức – xã hội chứ không chỉ là giáo lý siêu hình. Các phong trào này sử dụng Hội Long Hoa như lời cảnh báo luân lý, nhấn mạnh nhân quả và trách nhiệm đạo đức với cộng đồng.

Trong kinh văn của Bửu Sơn Kỳ Hương ghi rõ: 彌勒下生□ 開三會龍華□ 度盡群生□ 共登極樂Di Lặc hạ sinh, khai tam hội Long Hoa, độ tận quần sinh, cộng đồng Cực

Lạc. (Phật Di Lặc hạ sinh, mở ba hội Long Hoa, cứu độ hết chúng sinh, cùng đưa lên cõi Cực Lạc). Câu kinh trên được chuyển hóa thành ngôn ngữ bình dân qua lời thơ Nôm:

“Ai ơi giữ đạo làm lành,

Long Hoa hội thượng Phật dành chỗ cho”.

Từ đó, Hội Long Hoa không chỉ là khái niệm tôn giáo mà trở thành chuẩn mực luân lý phổ quát: ai sống thiện, tích đức thì được “*dự hội*”, kẻ làm ác sẽ “*bị bỏ lại*”. Cơ chế luân lý này tạo thành một hệ thống đạo đức dân gian dựa trên nhân quả, góp phần ổn định đời sống tinh thần của cư dân Nam Bộ.

Đặc biệt, trong **Đạo Cao Đài**, Hội Long Hoa được diễn giải như Tam Kỳ Phổ Độ – giai đoạn thứ ba trong chương trình cứu thế của Thượng Đế, đánh dấu thời đại đại đồng khi tam giáo quy nguyên, ngũ chi hiệp nhất, tất cả chúng sinh được “*độ tận kỳ nguyên*”. Tư tưởng này phản ánh sự sáng tạo tôn giáo đặc sắc của người Việt, khi họ biến huyền thoại Di Lặc thành lý tưởng xã hội – đạo đức hướng thiện và bình đẳng, mang đậm tinh thần từ bi của Phật giáo Đại thừa.

3.3. Trong nghệ thuật và văn học

Không chỉ tồn tại trong kinh điển hay tôn giáo, hình tượng Hội Long Hoa và Phật Di Lặc còn trở thành nguồn cảm hứng thẩm mỹ trong văn học – nghệ thuật Việt Nam, đặc biệt ở giai đoạn trung đại và cận đại. Trong văn tế, truyện Nôm tôn giáo, tuồng tích và ca dao đạo lý, hình ảnh Di Lặc hiện lên như biểu tượng của sự hoan hỷ, tái sinh và lòng nhân ái.

Nhiều tác phẩm Nôm vùng Nam Trung Bộ – Nam Bộ, như các truyện sấm, truyện giảng đạo hay văn khấn dân gian, đều gắn Hội Long Hoa với lý tưởng cứu thế và thời kỳ đại đồng. Di Lặc xuất hiện không phải như vị Phật xa xôi trên cõi trời Đâu Suất, mà như người dẫn đường của dân nghèo, người gieo ánh sáng từ bi giữa thế gian đầy biến động.

Trong nghệ thuật tuồng và dân ca, hình tượng “*nụ cười Di Lặc*” được biến thành biểu tượng thẩm mỹ của sự lạc quan và giải thoát, phản ánh tinh thần “*an nhiên trong khổ hạnh*” – một triết lý sống quen thuộc của người Việt.

Có thể nói, từ chốn thiền môn đến lòng dân gian, từ pho tượng cổ kính đến câu ca dân dã, Hội Long Hoa đã được Việt hóa thành hình tượng của đạo đức, của niềm tin và của mỹ cảm văn hóa, trở thành một phần không thể tách rời trong bản sắc tinh thần Phật giáo Việt Nam

Hội Long Hoa là một hình tượng tổng hợp của triết lý – tôn giáo – văn hóa, biểu hiện niềm tin bền vững của nhân loại vào thiện pháp và công bằng vũ trụ.

Trong truyền thống Việt Nam, Hội Long Hoa không chỉ là huyền thoại Phật giáo mà còn là biểu tượng văn hóa của lòng nhân, của hi vọng và tái sinh. Niềm tin ấy giúp con người sống hướng thiện, nuôi dưỡng tinh thần cộng đồng, và giữ vững đạo lý dân tộc: *“Phật Di Lặc cười hoan hỷ, đời Long Hoa mở thịnh bình.”*

4. Kết luận

Hội Long Hoa giúp hình thành ba trụ cột tư tưởng quan trọng: Lý tưởng từ bi – bình đẳng, đặc trưng cho đạo đức xã hội theo tinh thần tư tưởng văn hóa Việt. Niềm tin phục hưng đạo lý trong thời loạn. Tinh thần lạc quan và bao dung thể hiện trong nghệ thuật, đặc biệt qua hình tượng Di Lặc.

Hội Long Hoa là một trường hợp tiêu biểu của tiếp biến văn hóa Phật giáo tại Việt Nam.

Từ một tư tưởng mang tính tương lai luận, nó đã được Việt hóa thành mô hình đạo đức, biểu tượng mỹ học và nền tảng tinh thần của nhiều phong trào tôn giáo bản địa.

Sự tiếp biến này cho thấy tính năng động của văn hóa Việt Nam trong việc chuyển hóa các hệ thống tư tưởng từ nước ngoài truyền đến thành giá trị phù hợp với lịch sử và tâm thức dân tộc.

Trong bối cảnh hiện đại, nghiên cứu Hội Long Hoa giúp lý giải không chỉ di sản Phật giáo mà còn những động lực tinh thần định hình đời sống văn hóa – xã hội Việt Nam qua nhiều thời kỳ.

Chú thích:

[1] 佛說彌勒下生成佛經, 唐三藏法師義淨奉制譯.

[2] □ 彌勒下生經□ [Di Lặc Hạ Sinh Kinh]. 大正新脩大藏經 (T.14, No. 453). 東京□ 大藏出版, 1924.

[3] □ 彌勒成佛經□ [Di Lặc Thành Phật Kinh]. 大正新脩大藏經 (T.14, No. 454

[4] 佛學大辭典□ 丁福保□

[5] □ 妙法蓮華經□ [Pháp Hoa Kinh], 品第十六□ 壽量品□, 大正藏 T09, No. 262.

Tài liệu tham khảo:

1. □ 佛說彌勒下生成佛經 □ [Phật Thuyết Di Lặc Hạ Sinh Thành Phật Kinh], 唐三藏法師義淨奉制譯.
2. □ 彌勒下生經 □ [Di Lặc Hạ Sinh Kinh]. 大正新脩大藏經 (T.14, No. 453). 東京 □ 大藏出版, 1924.
3. □ 彌勒成佛經 □ [Di Lặc Thành Phật Kinh]. 大正新脩大藏經 (T.14, No. 454).
4. □ 佛學大辭典 □ [Phật Học Đại Từ Điển] □ 丁福保 □
5. □ 妙法蓮華經 □ [Pháp Hoa Kinh], 品第十六 □ 壽量品 □ , 大正藏 T09, No. 262.
6. Nguyễn Lang (1973). Việt Nam Phật giáo sử luận (Tập II). Nxb. Lá Bối.
7. Trần Văn Giàu (1980). Tư tưởng yêu nước trong Phật giáo Việt Nam. Hà Nội: Nxb. KHXH.
8. Lê Mạnh Thát (1999). Lịch sử Phật giáo Việt Nam (Tập 1). TP.HCM: Nxb. TP.HCM.